

Bản án số: 111/2021/HSST
Ngày: 29-10-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Tuấn

2. Bà Trần Thị Nôi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Lê Tiến Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: thôn C, xã B, huyện H, Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Trọng H và bà Hoàng Thị H1; có vợ Quách Thị Thúy A và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29-7-2021 đến nay (có mặt).

Bị hại: Anh Trần Đức T, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn M, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ủ, sinh năm 1968.

Trú tại: Thôn M, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

Những người làm chứng:

1. Ông Trần Văn X, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn M, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn C, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 10 phút ngày 27-7-2021 Nguyễn Trọng Đ đi bộ từ nhà đến nhà anh Trần Đức T, mục đích rủ anh T đi chơi. Đến nơi, thấy cổng không khóa, Đ mở cổng gọi anh T nhưng không thấy thừa nên đã mở cửa vào nhà thì không thấy ai trong nhà. Đ đi vào trong phòng thấy trên giá sách có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note5 (Samsung-SM-N920A), màu xanh của anh T nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đ lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào trong túi bên phải quần đùi đang mặc và tiếp tục quan sát thấy ngăn trên cùng của giá sách có 01 chiếc nhẫn kim loại màu bạc, mặt đá màu đen của anh T, Được lấy chiếc nhẫn vào đeo vào ngón tay giữa bàn tay trái và đi về nhà. Trên đường về nhà, Được đi qua nhà bà Nguyễn Thị Ủ ở Thôn M, xã B vay của bà Ủ số tiền 200.000 đồng và để lại chiếc điện thoại Samsung Galaxy Note 5 vừa trộm cắp được làm tin và nói dối điện thoại là của Đ, bà Ủ có ghi số tiền Được nợ bà vào trong tờ giấy trắng có dòng kẻ có kích thước (12,5 x 8,5) cm. Số tiền 200.000 đồng vay của bà U, Được tiêu dùng cá nhân hết, chiếc nhẫn do trộm cắp mà có Đ vẫn đeo ở tay. Sau đó, anh T phát hiện bị mất chiếc điện thoại và chiếc nhẫn (có đặc điểm như trên) nên đã làm đơn tố giác đến Công an xã B. Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, Đ đã giao nộp chiếc nhẫn kim loại màu bạc, mặt nhẫn đính đá màu đen và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngày 27-7-2021 bà U giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note5 màu xanh do Đ đã để lại nhà bà cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H phục vụ quá trình điều tra, giải quyết vụ án.

Bản kết luận định giá tài sản số 32 ngày 29-7-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: “01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 5 (Samsung-SM-N920A) màu xanh, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 2.150.000 đồng. 01 chiếc nhẫn kim loại màu bạc có đính đá màu đen, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 2.300.000 đồng.”

Bản cáo trạng số 112/CT-VKSHH ngày 11-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đ và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đ

phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đ mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cáo Được.

Về trách nhiệm dân sự: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 5 (Samsung - SM - N920A), màu xanh, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc mặt nhẫn có đính đá màu đen thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trần Đức T. Ngày 29-7-2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H trả lại cho anh T. Anh T đã nhận số tài sản trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì. Đối với số tiền 200.000 đồng Được vay của bà Nguyễn Thị Ủ, ngày 28-7-2021, ông Nguyễn Trọng H (bố của bị cáo) đã trả lại cho bà Ủ, bà Ủ đã nhận lại 200.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền trên. Do vậy về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo phông ngắn tay, cổ tim, màu đen có lô gô chữ “adidas” màu trắng tại ngực trái, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần đùi cạp chun, màu đen, có túi hai bên, có lô gô chữ “adidas” màu trắng tại mặt trước ống quần bên trái, đã qua sử dụng và 01 đôi dép xốp màu đen trắng, có dòng chữ “NIKE” màu vàng trên dép, đã qua sử dụng. Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đ không tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại và những người làm chứng, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng

xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Đơn tố giác và Biên bản ghi lời khai của bị hại (bút lục số 16 và từ số 90 đến số 99); bản kết luận định giá tài sản (bút lục số 21); biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường (bút lục từ số 26 đến số 38); bản ảnh vật chứng (bút lục số 39 đến số 44); biên bản làm việc ngày 29-7-2021 tại gia đình anh Trần Đức T (bút lục số 45); biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 27-7-2021 (bút lục số 58, 60); biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Ủ (bút lục từ số 106 đến số 109); biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Trần Văn X và ông Nguyễn Trọng H (bút lục từ số 110 đến số 111). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27-7-2021, tại nhà anh Trần Đức T, ở Thôn M, xã B, huyện H, lợi dụng không có người ở nhà trông coi tài sản, Nguyễn Trọng Đ đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note5 (Samsung - SM - N920A), màu xanh trị giá 2.150.000 đồng và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc, mặt nhẫn đính đá màu đen trị giá 150.000 đồng của anh T. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Trọng Đ trộm cắp của anh T là 2.300.000 đồng. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nơi địa phương xảy ra tội phạm. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển hành vi của mình, vì muốn có tiền tiêu sài bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay

bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo Đ hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có nơi cư trú rõ ràng, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã nhận số tài sản đã mất và không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường thêm gì. Do vậy về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc áo phông ngắn tay, cổ tim, màu đen có lô gô chữ “adidas” màu trắng tại ngực trái, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần đùi cạp chun, màu đen, có túi hai bên, có lô gô chữ “adidas” màu trắng tại mặt trước ống quần bên trái, đã qua sử dụng và 01 đôi dép xốp màu đen trắng, có dòng chữ “NIKE” màu vàng trên dép, đã qua sử dụng quản lý của bị cáo Đ. Xét thấy các tài sản trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[7] Đối với việc bà Nguyễn Thị Ủ cho bị cáo Đ vay số tiền 200.000 đồng và Đ có để lại cho bà Ủ chiếc điện thoại Samsung Note 5 (Samsung - SM - N920A), màu xanh để làm tin và nói dối đó là điện thoại của Đ. Bà Ủ không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý gì đối với bà Ủ là đúng quy định. Ngày 28-7-2021, ông Nguyễn Trọng H (bố của bị cáo) đã trả lại cho bà Ủ số tiền 200.000 đồng, bà Ủ đã nhận và không có ý kiến gì.

[8] Bị cáo Đ phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Trọng Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ **06 tháng** tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đ cho UBND xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo phông ngắn tay, cổ tim, màu đen có lô gô chữ “adidas” màu trắng tại ngực trái, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần đùi cạp chun, màu đen, có túi hai bên, có lô gô chữ “adidas” màu trắng tại mặt trước ống quần bên trái, đã qua sử dụng và 01 đôi dép xốp màu đen trắng, có dòng chữ “NIKE” màu vàng trên dép, đã qua sử dụng (vật chứng trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, bà Ủ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhàn